

SỞ Y TẾ  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
**BỆNH VIỆN UNG BƯỞU**

Số: 6052/TB-BVUB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 9 năm 2026

## **YÊU CẦU BÁO GIÁ**

Chủng loại mặt hàng: Tư vấn dịch vụ thẩm định giá

**Kính Gửi: Các nhà cung cấp**

Bệnh viện Ung Bướu có kế hoạch lựa chọn nhà thầu tư vấn dịch vụ thẩm định giá gói thầu:  
**“Cung cấp vải đồng phục và đo may áo đồng phục cho viên chức, người lao động Bệnh viện Ung Bướu năm 2026”**

Kính mời các đơn vị thẩm định giá quan tâm, có khả năng cung cấp báo giá theo nội dung như sau:

- Thông tin đơn vị yêu cầu báo giá:
  - Bệnh viện Ung Bướu
  - Địa chỉ: Số 12, Đường 400, Phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Thành phần hồ sơ:
  - Bảng báo giá còn hiệu lực, có ký và đóng dấu của đơn vị theo mẫu đính kèm.
  - Hồ sơ năng lực nhà thầu (nếu có)
- Thông tin người nhận báo giá trực tiếp:
  - Họ và tên: Phan Thị Thu Huyền (Phòng Tài Chính - Kế Toán)
  - Số điện thoại: 0906373626
  - Địa chỉ nhận báo giá: Số 03, Đường Nơ Trang Long, Phường Gia Định, Tp. Hồ Chí Minh.
  - Email: thamdinghiabvub@gmail.com

Thời gian nhận báo giá: 05 ngày kể từ ngày đăng thông báo. Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

Thời gian nhận chứng thư thẩm định giá: sau 05 ngày kể từ ngày nhận báo giá và ký kết hợp đồng tư vấn dịch vụ thẩm định giá.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Các đơn vị có quan tâm.
- Lưu: VT, TC-KT (PTTH)

**GIÁM ĐỐC**  
  
**ĐIỆP BẢO TUẤN**



Tên nhà thầu:

Địa chỉ:

Số điện thoại:

Email:

### BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Ung Bướu

Theo thông báo của Quý bệnh viện, Công ty chúng tôi xin gửi báo giá phí tư vấn dịch vụ thẩm định gói thầu sau:

| STT | Nội dung công việc                                                                                                                                            | ĐVT | Số lượng | Đơn giá (đã bao gồm VAT) (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Địa điểm thực hiện dịch vụ | Dự kiến ngày hoàn thành dịch vụ                                                                                          |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----------|--------------------------------|------------------|----------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Phí tư vấn dịch vụ thẩm định giá gói thầu: “ <b>Cung cấp vải đồng phục và đo may áo đồng phục cho viên chức, người lao động Bệnh viện Ung Bướu năm 2026</b> ” | Gói | 01       |                                |                  | Bệnh viện Ung Bướu         | Nhận dự thảo chứng thư thẩm định giá sau 05 ngày kể từ ngày nhận báo giá và ký kết hợp đồng tư vấn dịch vụ thẩm định giá |
|     | <b>Tổng cộng</b>                                                                                                                                              |     |          |                                |                  |                            |                                                                                                                          |

Ghi chú: Báo giá này có hiệu lực từ ngày..... đến ngày.....

Ngày ... tháng ... năm ...

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU

(Ghi rõ chức danh, ký tên và đóng dấu)





SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
BỆNH VIỆN UNG BƯỚU



**DANH MỤC THẨM ĐỊNH GIÁ**

**Cung cấp vải đồng phục và đo may áo đồng phục cho viên chức, người lao động  
Bệnh viện Ung Bướu năm 2026**

**I. Số lượng vải và thông số kỹ thuật vải.**

| STT | Danh mục hàng hoá                                              | Thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Số lượng | ĐVT |
|-----|----------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----|
| 1   | Vải áo Bác sĩ,<br>Dược sĩ                                      | - Chất liệu: vải kaki thun.<br>- Màu sắc: màu trắng.<br>- Tiêu chí kỹ thuật vải: <ul style="list-style-type: none"><li>• Khối lượng vải (g/m<sup>2</sup>): 247,3 (±5).</li><li>• Mật độ (dọc x ngang) (sợi/10 cm): 460 (±5) x 337 (±5).</li><li>• Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 75,6 (±5); Rayon: 21,9 (±5); Spandex: 2,5% (±5).</li></ul> | 2.644,4  | mét |
| 2   | Vải áo Điều dưỡng, KTV,<br>Dinh dưỡng                          | - Chất liệu: vải kate ford.<br>- Màu sắc: màu trắng.<br>- Tiêu chí kỹ thuật vải: <ul style="list-style-type: none"><li>• Khối lượng vải (g/m<sup>2</sup>): 164,1 (±5).</li><li>• Mật độ (dọc x ngang) (sợi/10 cm): 276 (±5) x 276 (±5)</li><li>• Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 65,9 (±5); Cotton : 34,1 (±5).</li></ul>                    | 4.142    | mét |
| 3   | Vải quần Bác sĩ,<br>Dược sĩ,<br>Điều dưỡng,<br>KTV, Dinh dưỡng | - Chất liệu: vải kaki thun.<br>- Màu sắc: màu trắng.<br>- Tiêu chí kỹ thuật vải:<br>Khối lượng vải (g/m <sup>2</sup> ): 247,3 (±5). <ul style="list-style-type: none"><li>• Mật độ (dọc x ngang) (sợi/10 cm): 460 (±5) x 337 (±5).</li><li>• Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 75,6 (±5); Rayon: 21,9 (±5); Spandex: 2,5% (±5).</li></ul>      | 4.396,6  | mét |
| 4   | Vải áo Hộ lý,<br>y công                                        | - Chất liệu: vải kate ford.<br>- Màu sắc: màu xanh hòa bình<br>- Tiêu chí kỹ thuật vải: <ul style="list-style-type: none"><li>• Khối lượng vải (g/m<sup>2</sup>): 166,3 (±5).</li></ul>                                                                                                                                                                         | 117,8    | mét |





| STT | Danh mục hàng hoá                              | Thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Số lượng | ĐVT |
|-----|------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----|
|     |                                                | <ul style="list-style-type: none"> <li>Mật độ (dọc x ngang) (sợi/10 cm): 280 (<math>\pm 5</math>) x 272 (<math>\pm 5</math>).</li> <li>Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 65,7 (<math>\pm 5</math>); Cotton: 34,3% (<math>\pm 5</math>)</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                |          |     |
| 5   | Vải quần Hộ lý, y công                         | <ul style="list-style-type: none"> <li>Chất liệu: vải kate ford.</li> <li>Màu sắc: màu xanh hòa bình</li> <li>Tiêu chí kỹ thuật vải:</li> <li>Khối lượng vải (<math>\text{g/m}^2</math>): 166,3 (<math>\pm 5</math>).</li> <li>Mật độ (dọc x ngang) (sợi/10 cm): 280 (<math>\pm 5</math>) x 272 (<math>\pm 5</math>).</li> <li>Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 65,7 (<math>\pm 5</math>); Cotton: 34,3% (<math>\pm 5</math>)</li> </ul>                        | 80,6     | mét |
| 6   | Vải áo Hành chính                              | <ul style="list-style-type: none"> <li>Chất liệu: vải kate bamboo</li> <li>Màu sắc: Sọc kim xanh trắng</li> <li>Tiêu chí kỹ thuật vải:</li> <li>Khối lượng vải (<math>\text{g/m}^2</math>): 149,5 (<math>\pm 5</math>).</li> <li>Mật độ (dọc x ngang) (sợi/10 cm): 660 (<math>\pm 5</math>) x 500 (<math>\pm 5</math>).</li> <li>Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 52% (<math>\pm 5</math>); Rayon: 48% (<math>\pm 5</math>)</li> </ul>                          | 1.203,2  | mét |
| 7   | Vải quần Hành chính                            | <ul style="list-style-type: none"> <li>Chất liệu: vải Safiro</li> <li>Màu sắc: xanh đen</li> <li>Tiêu chí kỹ thuật vải:</li> <li>Khối lượng vải (<math>\text{g/m}^2</math>): 290,4 (<math>\pm 5</math>).</li> <li>Mật độ (dọc x ngang) (sợi/10 cm): 788 (<math>\pm 5</math>) x 336 (<math>\pm 5</math>).</li> <li>Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 78,3 (<math>\pm 5</math>); Rayon: 18,4% (<math>\pm 5</math>); Spandex: 3,3% (<math>\pm 5</math>);</li> </ul> | 977,6    | mét |
| 8   | Vải áo bảo trì, nhà giặt, nhà đại thể, kho oxy | <ul style="list-style-type: none"> <li>Chất liệu: Kaki thun</li> <li>Màu sắc: xanh dương</li> <li>Tiêu chí kỹ thuật vải:</li> <li>Khối lượng vải (<math>\text{g/m}^2</math>): 251,2 (<math>\pm 5</math>).</li> <li>Mật độ (dọc x ngang) (sợi/10 cm): 455 (<math>\pm 5</math>) x 330 (<math>\pm 5</math>).</li> <li>Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 74,5 (<math>\pm 5</math>); Rayon: 23,3% (<math>\pm 5</math>); Spandex: 2,2% (<math>\pm 5</math>)</li> </ul> | 134,4    | mét |
| 9   | Vải quần bảo trì, nhà giặt,                    | <ul style="list-style-type: none"> <li>Chất liệu: Kaki thun</li> <li>Màu sắc: xanh dương</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 109,2    | mét |



| STT | Danh mục hàng hoá    | Thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Số lượng | ĐVT |
|-----|----------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----|
|     | nhà đại thể, kho oxy | - Tiêu chí kỹ thuật vải:<br>• Khối lượng vải (g/m <sup>2</sup> ): 251,2 (±5).<br>• Mật độ (dọc x ngang) (sợi/10 cm): 455 (±5) x 330(±5).<br>Định tính và định lượng nguyên liệu (%):<br>Polyester 74,5(±5); Rayon: 23,3%(±5);<br>Spandex: 2,2%(±5)                                                    |          |     |
| 10  | Vải áo bảo vệ        | - Chất liệu: Kaki thun<br>- Màu sắc: màu ghi<br>- Tiêu chí kỹ thuật vải:<br>• Khối lượng vải (g/m <sup>2</sup> ): 247,2 (±5).<br>• Mật độ (dọc x ngang) (sợi/10 cm): 460 (±5) x 335 (±5).<br>• Định tính và định lượng nguyên liệu (%):<br>Polyester 74,5(±5); Rayon: 23,8%(±5);<br>Spandex: 1,7%(±5) | 54,4     | mét |
| 11  | Vải quần bảo vệ      | - Chất liệu: Kaki thun<br>- Màu sắc: màu ghi<br>- Tiêu chí kỹ thuật vải:<br>• Khối lượng vải (g/m <sup>2</sup> ): 247,2 (±5).<br>• Mật độ (dọc x ngang) (sợi/10 cm): 460 (±5) x 335 (±5).<br>• Định tính và định lượng nguyên liệu (%):<br>Polyester 74,5(±5); Rayon: 23,8%(±5);<br>Spandex: 1,7%(±5) | 44,2     | mét |



## II. Số lượng đo, may và mô tả may áo đồng phục.

| Stt | Chức danh     | Mô tả                                                                                                                                                                                          | Số lượng áo đo may | ĐVT |
|-----|---------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-----|
| 1   | Áo Bác sỹ     | - Áo blouse, cổ bẻ danton, phom veston, cài cúc áo, chiều dài áo ngang gối, tay dài phủ cổ tay, phía sau xẻ giữa tới ngang hông, đai lưng giữa thân sau<br>- Logo bệnh viện + đĩa đeo bảng tên | 1.078              | Cái |
| 2   | Áo Điều dưỡng | - Áo cổ 2 ve, cài cúc áo, ngắn tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 2 túi.<br>- Túi áo, tay áo và cổ áo có viền xanh dương, viền rộng 0,5 cm.<br>- Logo bệnh viện + đĩa đeo bảng tên    | 1.778              | Cái |



|   |                                            |                                                                                                                                                                       |     |     |
|---|--------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----|
|   |                                            | - Mũ: Nữ mũ cánh chuồn, nam mũ trùm đầu.                                                                                                                              |     |     |
| 3 | Áo kỹ thuật viên                           | - Áo cổ 2 ve, cài cúc áo, ngắn tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 3 túi.<br>- Logo bệnh viện + đĩa đeo bảng tên;<br>- Mũ: Nữ mũ cánh chuồn, nam mũ trùm đầu. | 468 | Cái |
| 4 | Áo Dược sỹ                                 | - Áo blouse, cổ 2 ve, cài cúc áo, ngắn tay, chiều dài áo ngang gối, phía trước có 3 túi, phía sau xẻ giữa tới ngang hông.<br>- Logo bệnh viện + đĩa đeo bảng tên      | 166 | Cái |
| 5 | Áo dinh dưỡng                              | - Áo cổ chữ U, cài cúc áo, ngắn tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 2 túi.<br>- Logo bệnh viện + đĩa đeo bảng tên<br>- Mũ nam/nữ                              | 24  | Cái |
| 6 | Áo Hộ lý, y công                           | - Áo cổ trái tim, cài cúc áo, ngắn tay, chiều dài áo ngang hông; phía trước có 2 túi.<br>- Logo bệnh viện + đĩa đeo bảng tên.<br>- Mũ nam/nữ                          | 70  | Cái |
| 7 | Áo bảo vệ                                  | - Áo cổ đực, cài cúc áo, có nẹp cầu vai, ngắn tay, gấu tay có măng xéc hoặc lơ vê, 2 túi có nắp.<br>- Logo bệnh viện+ đĩa đeo bảng tên.                               | 46  | Cái |
| 8 | Áo hành chính                              | - Áo sơ mi cổ đực, cài cúc áo, dài tay hoặc ngắn tay.<br>- Logo bệnh viện + đĩa đeo bảng tên                                                                          | 786 | Cái |
| 9 | Áo bảo trì, nhà giặt, nhà đại thể, kho oxy | - Áo kiểu bu đông, cổ đực, cài cúc áo, ngắn tay, gấu tay măng xéc hoặc lơ vê.<br>- Logo bệnh viện + đĩa đeo bảng tên                                                  | 84  | Cái |

**Ghi chú:**

- Đối với áo đồng phục, đo tại khoa, phòng tại Bệnh viện Ung Bướu theo địa chỉ:
  - Số 12 đường 400, phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh;
  - Số 06, 47 Nguyễn Huy Lượng, phường Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh;
  - Số 03 Nơ Trang Long, phường Gia Định, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Đối với vải quần, đóng gói cho từng nhân viên khi giao hàng.
- Thời gian thực hiện: 90 ngày.